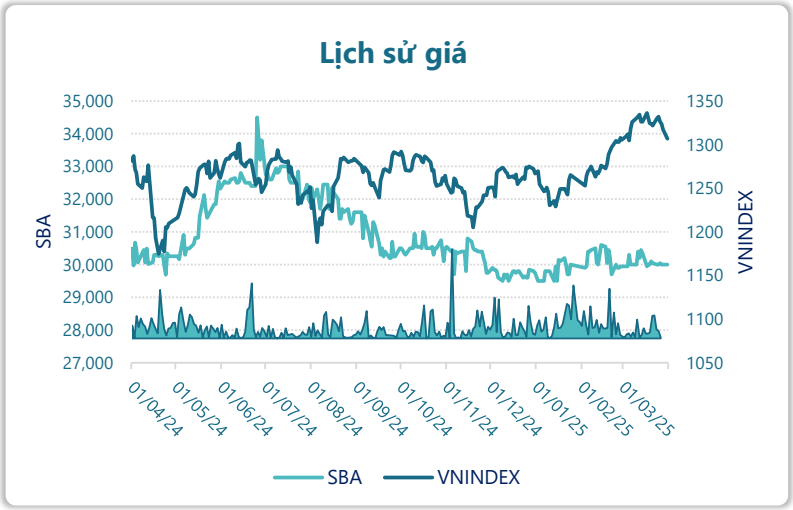
FireAnt

CTCP Sông Ba (HSX: SBA)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**30,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,500
SL cổ phiếu LH	60,488,261
KLGD BQ 20 phiên (CP)	23,385
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,815
P/E	14.8
EPS	2,030

DT thuần

Q1/25

81.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.4| -19.2%

YoY: ▲ 21.5| 35.8%

LN sau thuế

Q1/25

36.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.50| -19.1%

YoY: ▲ 9.30| 34.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

52.8%

+/- YoY: ▼ 5.3%

DT thuần

2024

264

tỷ VNĐ

YoY: ▼112| -29.8%

LN sau thuế

2024

114

tỷ VNĐ

YoY: ▼61.0| -35.2%

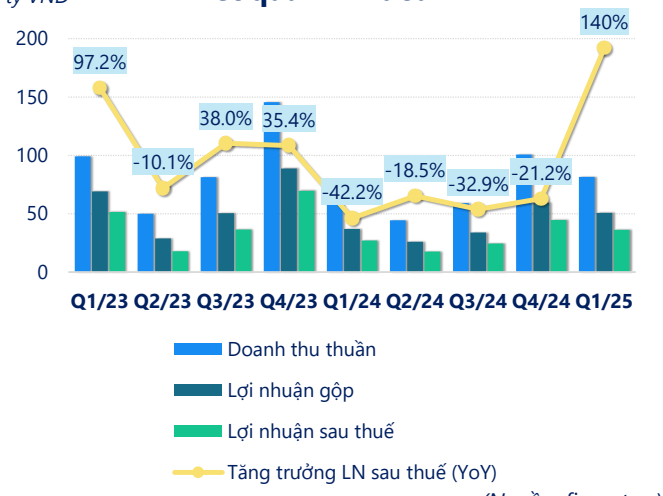
ROE

2024

11.4%

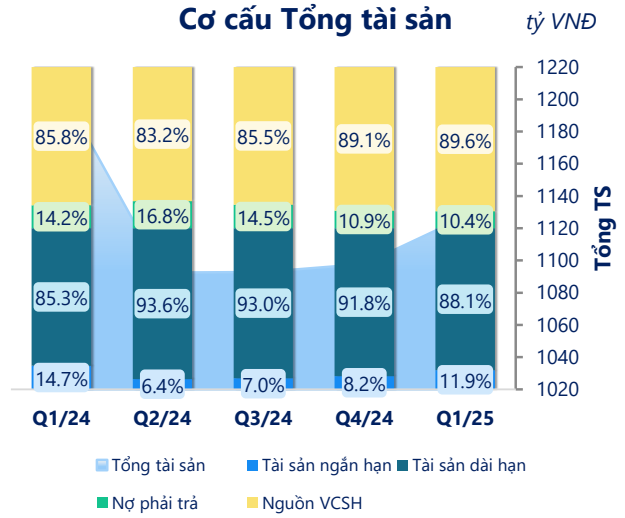
+/- YoY: ▼ 6.5%

Kết quả kinh doanh



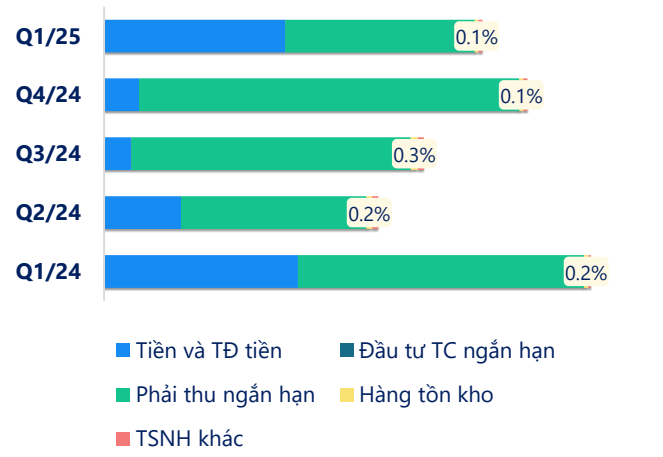
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



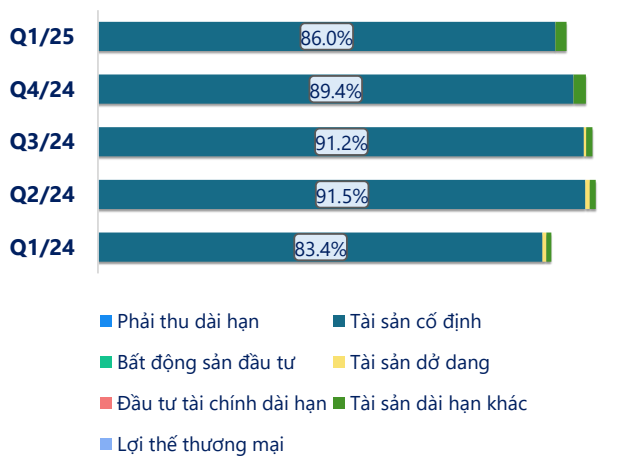
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



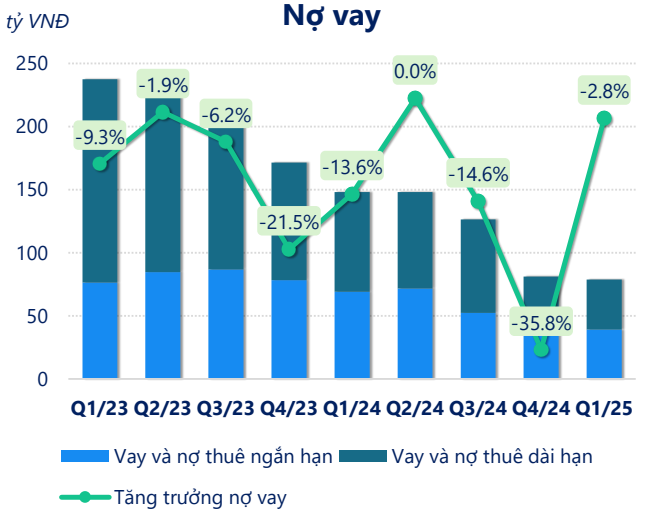
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



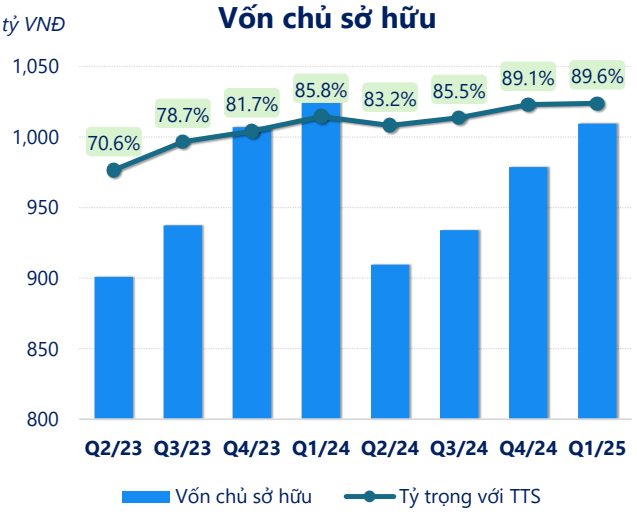
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



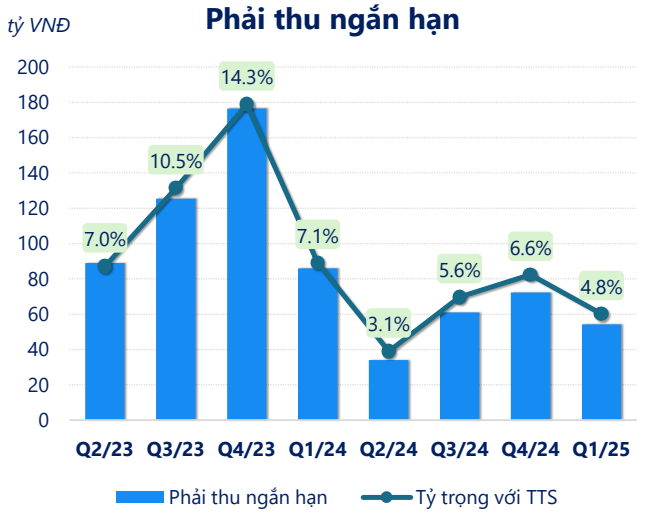
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



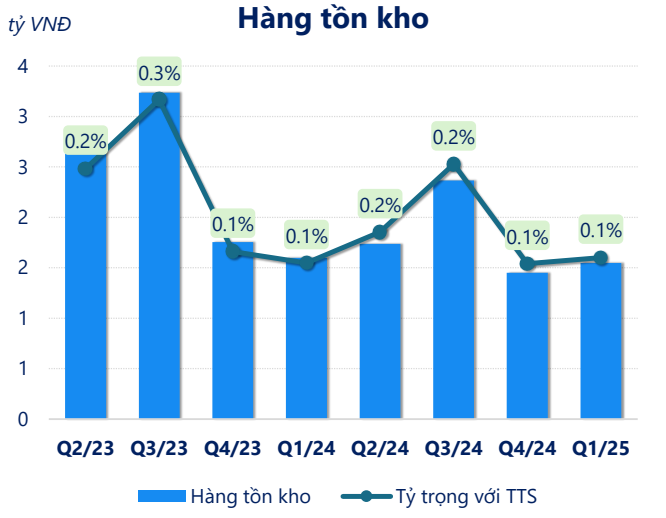
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



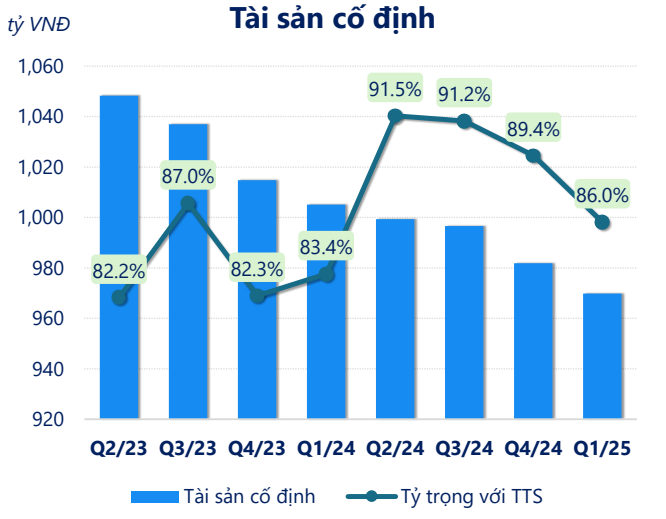
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



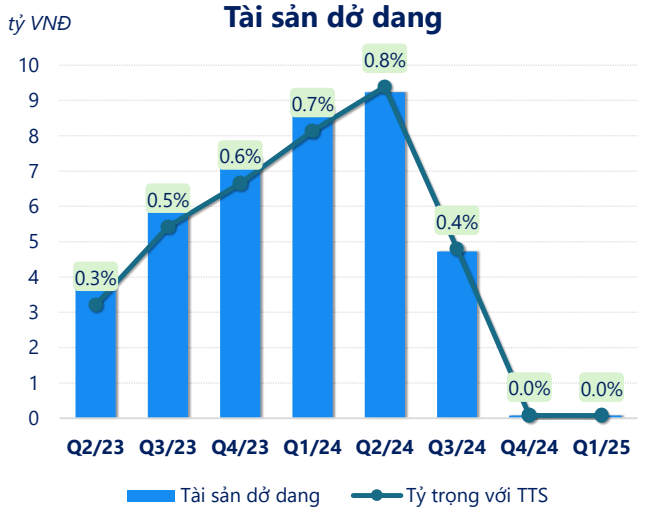
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



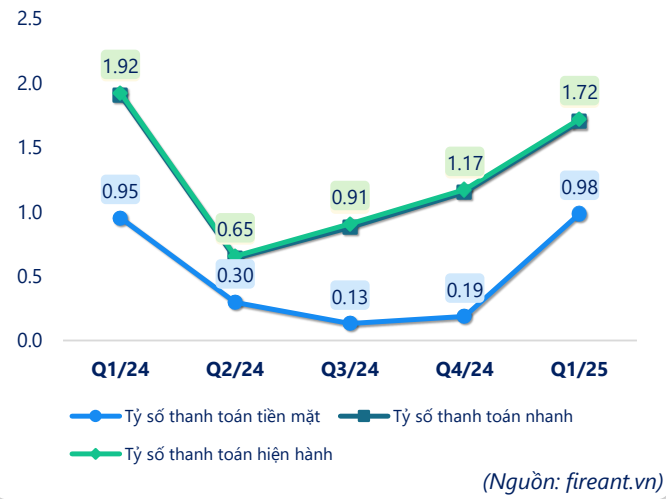
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



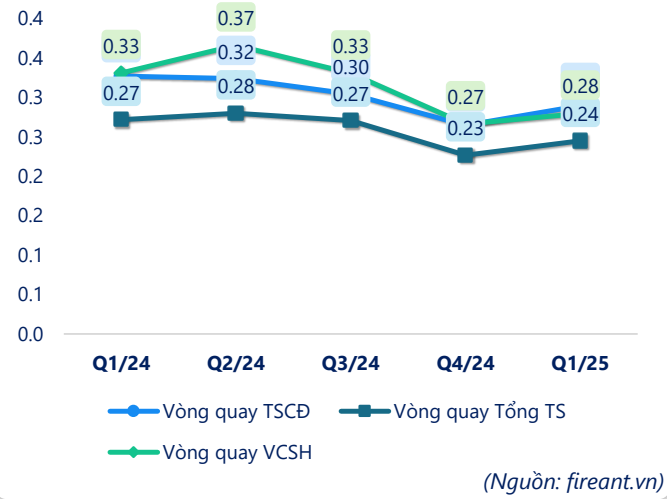
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,205**	**1,093**	**1,093**	**1,098**	**1,127**
Tài sản ngắn hạn	**177**	**69.8**	**76.7**	**90.3**	**134**
Tiền và tương đương tiền	87.9	31.6	11.2	14.4	76.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	86.0	34.1	61.0	72.4	54.3
Hàng tồn kho	1.60	1.74	2.37	1.45	1.55
Tài sản ngắn hạn khác	1.90	2.33	2.13	2.10	1.49
Tài sản dài hạn	**1,028**	**1,023**	**1,016**	**1,007**	**993**
Phải thu dài hạn	2.02	2.02	2.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	1,005	999	997	982	970
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.83	9.23	4.72	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.8	12.2	12.7	25.5	23.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**171**	**183**	**159**	**119**	**118**
Nợ ngắn hạn	**92.2**	**107**	**84.7**	**77.2**	**78.0**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	69.1	71.7	52.3	39.2	39.2
Phải trả người bán ngắn hạn	0.83	1.65	0.70	0.76	0.22
Nợ dài hạn	79.1	76.5	74.2	42.0	39.6
Vay và nợ thuê dài hạn	79.1	76.5	74.2	42.0	39.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,034**	**909**	**934**	**979**	**1,010**
Vốn chủ sở hữu	**1,034**	**909**	**934**	**979**	**1,010**
Vốn điều lệ	605	605	605	605	605
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)